jiǎn shuǐ

硷水

noun · alkaline water; lye water

Example Sentence

Zuò miàn tiáo shí jiā rù shǎo liàng jiǎn shuǐ kě yǐ ràng miàn tiáo gèng jīn dào
做 面 条时加入 少 量 硷 水，可以 让 面 条 更 筋道。

Adding a small amount of lye water when making noodles can make them more chewy.

Trace each character, then write the word on your own.

硷 硷 硷 硷 硷 硷 硷 硷 硷 硷 硷

硷 硷 硷 硷

水 水 水 水 水 水 水